

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Trung	Phi	3475010189	20/10/1991	,00			Nợ HP
2	Bùi Minh	Thành	3671050169	12/06/1992	,00			Nợ HP
3	Đỗ Ngọc	Hùng	3671051153	24/05/1993	,00			Nợ HP
4	Trần	Tuấn	3771020340	16/04/1994	4,50	4,50	4,50	
5	Nguyễn Hồ Minh	Châu	3771020346	05/12/1993	6,50	3,30	4,30	
6	Phạm Văn	Danh	3771020353	21/05/1994	3,00	2,00	2,30	
7	Nguyễn Kiều	Hưng	3771020356	14/04/1994	4,00	2,00	2,60	
8	Nguyễn Thành	Vương	3771020359	01/06/1994	6,50	5,00	5,50	
9	Dương Minh	Cường	3771020365	02/01/1995	5,50	1,30	2,60	
10	Nguyễn Kim	Tâm	3771020370	13/09/1995	5,00	2,00	2,90	
11	Chu Đức	Anh	3771020377	18/06/1994	4,00	1,50	2,30	
12	Hà Kim	Cương	3771020387	17/07/1993	4,50	2,00	2,80	
13	Phan Công	Lý	3771020397	25/08/1994	6,50	3,50	4,40	
14	Phạm Văn	Thông	3771020398	26/05/1995	6,50	6,50	6,50	
15	Trịnh Viết	Động	3771020411	08/11/1993	5,50	5,00	5,20	
16	Nguyễn Khắc	Hoàng	3771020414	22/12/1995	4,50	4,50	4,50	
17	Trần Ngọc	Trung	3771020421	01/11/1995	6,50	5,00	5,50	
18	Nguyễn Phúc	Lộc	3771020425	05/01/1994	,00			
19	Nguyễn Đức	Đương	3771020426	22/01/1995	6,00	2,00	3,20	
20	Hồ Văn	Quyền	3771020428	28/05/1995	7,50	4,50	5,40	
21	Nguyễn Đức	Trọng	3771020449	01/01/1995	9,00	2,00	4,10	
22	Nguyễn Tôn Bảo	Trình	3771020451	21/07/1995	,00			
23	Bùi Hữu	Phúc	3771020453	19/08/1994	9,50	5,00	6,40	
24	Lương Xuân	Hân	3771020455	16/07/1995	5,00	3,00	3,60	
25	Nguyễn Đình	Hòa	3771020466	28/06/1993	,00			
26	Trần Đức	Thuận	3771020479	24/04/1995	8,00	6,00	6,60	
27	Phan Ngọc	Hưng	3771020481	28/02/1994	6,00	2,30	3,40	
28	Lê Văn	Đồng	3771020483	05/05/1995	4,50	3,30	3,70	
29	Hồ Quốc	Chí	3771020485	09/09/1994	5,00	1,50	2,60	
30	Lê Thanh	Quân	3771020493	29/05/1995	6,00	3,80	4,50	
31	Nguyễn Hoàng	Huy	3771020495	18/02/1993	,00			
32	Lê Văn	Được	3771020497	20/10/1994	4,50	2,00	2,80	
33	Đình Thế	Hào	3771020503	12/07/1995	3,00	3,50	3,40	
34	Trần Văn	Huy	3771020504	02/10/1995	3,00	1,30	1,80	
35	Nguyễn Thành	Trung	3771020506	17/01/1995	5,00	2,00	2,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Từ Quốc	Đạt	3771020509	25/06/1994	5,00	1,50	2,60	
37	Nguyễn Ngọc	Hùng	3771020512	18/05/1994	3,00	2,50	2,70	
38	Đỗ Duy	Thành	3771020513	25/06/1995	4,50	4,00	4,20	
39	Phan Thanh	Lam	3771020519	01/01/1994	5,50	2,50	3,40	
40	Nguyễn Hoàng	Nhon	3771020523	26/01/1993	6,00	1,50	2,90	
41	Phạm Khải	Thành	3771020530	28/10/1995	5,50	4,80	5,00	
42	Mai Quốc	Dân	3771020532	02/01/1994	6,50	1,30	2,90	
43	Nguyễn Hồng	Nghi	3771020534	16/09/1995	5,50	1,50	2,70	
44	Nguyễn Thanh	Công	3771020537	20/12/1995	6,00	5,00	5,30	
45	Trần Văn	Hưng	3771020548	08/11/1995	8,00	4,30	5,40	
46	Vũ Văn	Hưng	3771020551	14/04/1994	7,50	5,00	5,80	
47	Đồng Thị Ngọc	Vy	3771020553	21/10/1995	4,50	2,00	2,80	
48	Nguyễn Thành	Luân	3771020555	19/09/1995	5,00	3,30	3,80	
49	Bùi Phạm Hoàng	Tuấn	3771020563	28/01/1995	,00	2,00	1,40	
50	Đoàn Sỹ	Đạt	3771020565	27/08/1995	5,50	3,50	4,10	
51	Lê Đình	Huân	3771020570	03/04/1995	6,50	2,50	3,70	
52	Nguyễn Văn Thái	Duy	3771020572	22/12/1995	,00			
53	Trần Đức	Mười	3771020574	11/11/1994	6,50	3,00	4,10	
54	Ông Văn	Hùng	3771020577	17/09/1994	4,00	2,50	3,00	
55	Huỳnh Văn	Phú	3771020581	15/02/1995	4,00	3,00	3,30	
56	Nguyễn Đức	Anh	3771020583	26/02/1994	3,50	1,80	2,30	
57	Phạm Nguyễn Hoàng	Thanh	3771020589	01/09/1995	6,50	2,50	3,70	
58	Diệp Từ	Huân	3771020591	28/11/1995	,00			
59	Nguyễn Bình	Nghinh	3771020595	08/09/1993	,00			
60	Lê Văn	Huy	3771020598	14/01/1993	5,00	4,00	4,30	
61	Đoàn Văn	Huyện	3771020600	18/10/1995	7,50	5,50	6,10	
62	Nguyễn Văn	Hạnh	3771020603	10/08/1991	2,50			
63	Nguyễn Thanh	Bình	3771020606	02/04/1993	2,00	1,00	1,30	
64	Nguyễn Việt	Kiều	3771020607	25/05/1995	4,50	3,50	3,80	
65	Phan Tấn	Vinh	3771020612	12/09/1995	5,00	6,00	5,70	
66	Lê Ngọc	Hải	3771021073	28/08/1995	4,50	,00	1,40	
67	Trần Thế	Phúc	3771021083	01/04/1995	,00			
68	Phạm Tấn	Thụy	3771021106	01/01/1995	3,50	5,50	4,90	
69	Nguyễn Thanh	Quốc	3771021144	12/11/1993	5,00	2,00	2,90	
70	Trần Thái	Sang	3771021148	28/10/1990	4,00	2,50	3,00	
71	Nguyễn Minh	Chánh	3771021266	30/07/1993	6,50	1,50	3,00	
72	Đàm Mạnh	Hoàng	3771021310	23/08/1995	2,50	2,50	2,50	
73	Trương Hoàng	Phúc	3771021426	26/03/1995	5,00	,00	1,50	
74	Nguyễn Khắc	Phú	3771021444	14/01/1994	3,50	2,50	2,80	
75	Nguyễn Thành	Giàu	3771022040	21/09/1995	4,00	5,00	4,70	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Huỳnh Tam	Cang	3771022041	13/02/1995	4,50	2,50	3,10	
77	Nguyễn Thanh	Quý	3771050208	06/09/1994	6,50	1,00	2,70	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)